

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2024 - 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long

2. Địa chỉ trụ sở chính: Cơ sở 4 - Trường Đại học Thủ đô Hà Nội - Xã Thường Tín - thành phố Hà Nội

3. Loại hình trường: Công lập

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu chung:

Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại.

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thăng Long được thành lập theo Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề án thành lập Trường Tiểu học và THCS Thăng Long trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây; Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND huyện Thường Tín về việc thành lập Trường Tiểu học và THCS Thăng Long và Quyết định số 21/QĐ-GDĐT ngày 25/3/2019 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thường Tín về việc cho phép hoạt động giáo dục tại Trường Tiểu học và THCS Thăng Long trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây.

Ngày 12/5/2023, tại Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 12/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây được sáp nhập vào Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Theo đó, trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thăng Long cũng về trực thuộc Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về việc tổ chức lại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thăng Long thành

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long thuộc Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và QĐ số 1864/QĐ - SGDDĐT ngày 25/7/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc cho phép trường Tiểu học, THCS và THPT Thăng Long hoạt động giáo dục trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Phạm Thị Bích Ngọc
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường TH, THCS và THPT Thăng Long
- Số điện thoại: 0945550988
- Địa chỉ thư liên hệ: ptbngoc@daihocthudo@edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về việc tổ chức lại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thăng Long thành Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long thuộc Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và QĐ số 1864/QĐ - SGDDĐT ngày 25/7/2024 của Sở giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc cho phép trường Tiểu học, THCS và THPT Thăng Long hoạt động giáo dục trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Quyết định số 1877/QĐ-SGDDĐT ngày 26/7/2024 của Sở giáo dục và đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường

Quyết định số 2371/QĐ-SGDDĐT ngày 25/9/2024 của Sở giáo dục và đào tạo về việc công nhận chủ tịch Hội đồng trường

Quyết định số 1212/QĐ-ĐHTĐHN ngày 23/7/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội về việc điều động, bổ nhiệm bà Phạm Thị Bích Ngọc giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long;

Quyết định số 1214/QĐ-ĐHTĐHN ngày 23/7/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội về việc chuyển đổi chức vụ theo vị trí việc làm tương ứng đối với bà Nguyễn Thị Thu Hiền (giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long).

Quyết định số 1213/QĐ-ĐHTĐHN ngày 23/7/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội về việc chuyển đổi chức vụ theo vị trí việc làm tương ứng đối với bà Tạ Thị Hoài Thương (giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long).

Quyết định số 18/QĐ-THTHCSTHPTTL ngày 23/7/2024 của Hiệu trưởng trường TH, THCS và THPT Thăng Long về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long.

Chiến lược phát triển trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long trực thuộc trường đại học thủ đô hà nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ban hành ngày 23/7/2024

Quyết định số 09/QĐ-THTHCSTHPTTL ngày 22/4/2024 của Hiệu trưởng trường TH, THCS và THPT Thăng Long về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long.

Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 26/01/2024 Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thăng Long

Nghị quyết số 02 /NQ-HĐT ngày 22/ 4/ 2024 Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thăng Long

Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 24/ 5/2024 Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thăng Long

Nghị quyết số 04 /NQ-HĐT ngày 15 /7 /2024 Ban hành chiến lược phát triển trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học Phổ thông Thăng Long trực thuộc trường Đại học Thủ Đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Nghị quyết số 01 /NQ-HĐT ngày 29/ 7/ 2024 Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long Thăng Long

Nghị quyết số 02 /NQ-HĐT ngày 30/ 8 / 2024 Ban hành các chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn học văn hóa, năng khiếu của trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long

Quyết định số 61/QĐ-TH&THCSTL ngày 19/9/2023 của Hiệu trưởng trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thăng Long về việc ban hành Nội quy trường học, năm học 2023-2024;

Quyết định số 22/QĐ-TH&THCSTL ngày 23/7/2024 của Hiệu trưởng trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thăng Long về việc ban hành Quy chế kiểm tra - đánh giá học sinh trường Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Thăng Long, năm học 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T S	ThS	ĐH	CĐ	Hạng III	Hạng II	Hạng I	T	Khá	Đ	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên Và các HĐ khác (khoản việc ngắn hạn, thỉnh giảng, HĐ theo NĐ 111)	56	2	36	20								
I	Giáo viên	45	2	27	16		37	6					

	Trong đó số giáo viên dạy môn:												
1	Toán	6		4	2								
2	Lý-Công nghệ	3		3									
3	Hóa	1	1										
4	Sinh học	1	1										
5	Ngữ văn	6		3	3								
6	Tiểu học	6		2	4								
7	Lịch Sử-GDGD	4		4									
8	Địa lí	1		1									
9	Tiếng Anh	7		4	3								
		7		4	3								
10	Thể dục	5		1	4								
11	Âm nhạc	2		2									
12	Mĩ thuật	1		1									
13	Tin học	2		2									
II	Cán bộ quản lý	3											
1	Hiệu trưởng	1		1									
2	Phó hiệu trưởng	2		2									
III	Nhân viên	8											
1	Nhân viên văn thư, thủ quỹ	1			1								
2	Nhân viên kế toán	1		1									
3	Nhân viên y tế	1			1								
4	Nhân viên thư viện	1			1								
5	Nhân viên thiết bị thí nghiệm	0											
6	Nhân viên hỗ trợ giáo dục tâm lý học đường	1		1									
7	Nhân viên phục vụ	2		2									
8	Bảo vệ	1			1								

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	27/27	1 phòng/ lớp
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố (C1)	12	1 phòng/ lớp
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm		-

4	Phòng học (C3)	15	
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	m ²	m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
1	Sân bóng	1	7.609 m ²
2	Đường chạy bộ bao quanh sân bóng	1	1.830 m ²
3	Sân Trống đồng	1	676 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học P101,102,202-D (m ²)	3	78 m ² /phòng
2	Diện tích phòng học P103,105,203, 205-D (m ²)	4	66 m ² /phòng
3	Diện tích phòng chuẩn bị P104,204 -D(m ²)	2	21 m ² /phòng
4	Diện tích thư viện P201-D (m ²)	1	78 m ² /phòng
5	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1	2,034 m ²
6	Diện tích phòng Y tế P106 -D(m ²)	1	21 m ² /phòng
7	Diện tích phòng Hội đồng P107-D(m ²)	1	63 m ² /phòng
8	Diện tích phòng Hiệu trưởng P201-C3(m ²)	1	20 m ² /phòng
9	Diện tích phòng Phó Hiệu trưởng P202-C3(m ²)	1	20 m ² /phòng
10	Diện tích phòng Phó Hiệu trưởng P201-C1(m ²)	1	20 m ² /phòng
11	Diện tích phòng Y tế P101-C3 (m ²)	1	16 m ² /phòng
12	Diện tích phòng Văn phòng P102-C3 (m ²)	1	20 m ² /phòng
13	Diện tích phòng Kế toán P108-D (m ²)	1	21 m ² /phòng
14	Diện tích Nhà C1	30	3,390 m ²
15	Diện tích Nhà C3	28	3,390 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Số bộ/lớp	
1	Khối lớp 1	1	
2	Khối lớp 2	1	
3	Khối lớp 3	1	
4	Khối lớp 4	1	
5	Khối lớp 5	1	
6	Khối lớp 6	1	
7	Khối lớp 7	1	
8	Khối lớp 8	1	
9	Khối lớp 9	1	
10	Khối lớp 10	1	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	41	

IX	Tổng số thiết bị		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	27	
5	Thiết bị dùng chung		
6	Đàn phím điện tử	2	
7	Đàn Medolen	0	
8	Bảng tương tác thông minh	0	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn 2 tầng	2.011m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	55 phòng		27 m ² /phòng
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

* Kế hoạch bổ sung Cơ sở vật chất cho năm học 2025-2026

Nhà trường sẽ tiếp tục đề xuất được cấp bổ sung trang thiết bị dạy học cần thiết để đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

Từng bước bổ sung thiết bị dạy học và các cơ sở vật chất khác theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đồng thời tăng cường công tác bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài các phòng học chuyên môn.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Năm học 2024-2025: Nhà trường tự đánh giá là cơ sở giáo dục chưa đạt chuẩn. Nhà trường duy trì bảo quản tất cả cơ sở vật chất hiện có được giữ gìn sạch đẹp, an toàn. Khuôn viên và cảnh quan trường học được chỉnh trang cải tạo, nâng cấp tổng thể đảm bảo yêu cầu của chương trình giáo dục mới.

Trong năm học 2025-2026, nhà trường đăng ký tham gia chương trình tự đánh giá chất lượng giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh

Năm học 2023-2024:

Khối 1: 89 học sinh

Khối 6: 62 học sinh

Năm học 2024-2025:

Khối 1: 95 học sinh

Khối 6: 125 học sinh

Khối 10: 68 học sinh

2. Số lượng học sinh

a) Cấp Tiểu học

	Năm học 2023-2024					Năm học 2024-2025				
	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Số lượng	94	96	104	93	102	93	98	95	102	97
Nữ	55	47	51	43	43	51	57	48	50	47
Dân tộc	1	2	1	0	0	0	0	2	1	0
Khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Chuyển đi	0	0	1	1	0	2	1	3	0	0
Chuyển đến	4	8		4	1	0	0	0	0	0

b) Cấp Trung học cơ sở

	Năm học 2023-2024				Năm học 2024-2025			
	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Số lượng	65	68	60	87	124	68	68	60
Nữ	26	24	28	38	55	27	24	27
Dân tộc	0	0	0	1	0	0	0	0

Khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0
Chuyển đi	0	0	0	0	1	1	0	0
Chuyển đến	4	3	1	0	0	0	0	0

c) Cấp Trung học phổ thông: Năm học 2024-2025

Số lượng	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	Chuyển đi	Chuyển đến	Thôi học
68	27	0	0	1	0	2

3. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp

*** Cấp Tiểu học**

- Kết quả đánh giá môn học

(Ghi chú: T - Tốt, H - Hoàn thành, C - Chưa hoàn thành)

Môn học	Xếp loại	Năm học 2023-2024					Năm học 2024-2025				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt	T	90	96	102	87		93	98	92	98	93
	H	4	0	2	6		0	0	3	4	4
	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0
Toán	T	94	95	100	87		93	97	86	95	96
	H	0	1	4	6		0	1	9	7	1
	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0
Tự nhiên - XH	T	91	93	104			89	98	89		
	H	3	3	0			4	0	6		
	C	0	0	0			0	0	0		
GDTC	T	94	96	104	93		93	98	95	102	97
	H	0	0	0	0		0	0	0	0	0
	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0
Nghệ thuật (AN)	T	94	96	104	93		93	98	95	89	78
	H	0	0	0	0		0	0	0	13	19
	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0
Nghệ thuật (MT)	T	88	91	98	82		93	98	92	96	84
	H	6	5	6	11		0	0	3	6	13
	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0
HD trải nghiệm	T	94	94	104	93		93	98	95	102	97
	H	0	2	0	0		0	0	0	0	0
	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0
Đạo đức	T	94	93	104	84		93	98	88	96	87
	H	0	3	0	9		0	0	7	6	10
	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0
Ngoại ngữ	T			103	87				84	96	76

	H			1	6				11	6	21
	C			0	0				0	0	0
Công nghệ	T			104	81				93	100	94
	H			0	12				2	2	3
	C			0	0				0	0	0
Tin học	T			104	93				95	102	97
	H			0	0				0	0	0
	C			0	0				0	0	0
Khoa học	T				90					102	96
	H				3					0	1
	C				0					0	0
Lịch sử-Địa lí	T				92					102	90
	H				1					0	7
	C				0					0	0

- Kết quả đánh giá năng lực

Năng lực	Xếp loại	Năm học 2023-2024					Năm học 2024-2025				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tự chủ và tự học	T	90	92	104	86		93	98	93	102	95
	H	4	4	0	7		0	0	2	0	2
	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0
Giao tiếp và hợp tác	T	93	96	104	92		93	98	95	102	93
	H	1	0	0	1		0	0	0	0	4
	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	T	92	96	104	93		93	98	95	102	95
	H	2	0	0	0		0	0	0	0	2
	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0

- Kết quả đánh giá phẩm chất

Phẩm chất	Xếp loại	Năm học 2023-2024					Năm học 2024-2025				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Yêu nước	T	94	96	104	93		91	98	95	102	97
	H	0	0	0	0		0	0	0	0	0
	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0
Nhân ái	T	94	96	104	93		91	98	95	102	97
	H	0	0	0	0		0	0	0	0	0
	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0
Chăm chỉ	T	88	96	104	89		91	98	95	102	97
	H	6	0	0	4		0	0	0	0	0

	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0
Trung thực	T	94	96	104	93		91	98	95	102	97
	H	0	0	0	0		0	0	0	0	0
	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0
Trách nhiệm	T	93	92	104	93		91	98	95	102	97
	H	1	4	0	0		0	0	0	0	0
	C	0	0	0	0		0	0	0	0	0

- Số học sinh được lên lớp

+ Năm học 2023-2024: 100% học sinh khối Tiểu học được lên lớp (498 học sinh).

+ Năm học 2024-2025: 100% học sinh khối Tiểu học được lên lớp (483 học sinh).

*** Cấp Trung học cơ sở**

	Xếp loại	Năm học 2023-2024				Năm học 2024-2025			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Học lực	Tốt	20	16	15		35	20	26	15
	Khá	37	44	34		63	40	37	38
	Đạt	8	8	11		26	8	5	7
	Giỏi				17				
	Khá				52				
	TB				18				
Rèn luyện / Hạnh kiểm	Tốt	64	64	52		124	68	66	60
	Khá	1	4	8		0	0	2	0
	Đạt	0	0	0		0	0	0	0
	Tốt				85				
	Khá				2				
	TB				0				

- Số học sinh được lên lớp

+ Năm học 2023-2024: 100% học sinh khối THCS được lên lớp (193 học sinh khối 6,7,8 và 87 học sinh khối 9 tốt nghiệp và trúng tuyển vào lớp 10 THPT).

+ Năm học 2024-2025: 100% học sinh khối THCS được lên lớp (260 học sinh khối 6,7,8 và 60 học sinh khối 9 tốt nghiệp và trúng tuyển vào lớp 10 THPT).

*** Cấp Trung học phổ thông: năm học 2024-2025**

Khối lớp	Kết quả học tập			Kết quả rèn luyện			
	Tốt	Khá	Đạt	Tốt	Khá	Đạt	RL lại
Khối 10	3	41	21	56	7		2

4. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình

Năm học 2023-2024:

Khối 5: 102 học sinh

Khối 9: 87 học sinh

Năm học 2024-2025:

Khối 5: 97 học sinh

Khối 9: 60 học sinh

- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp:

Năm học 2023-2024: Tốt nghiệp THCS: 87 học sinh**Năm học 2024-2025:** Tốt nghiệp THCS: 60 học sinh**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

Thực hiện công khai tài chính theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trường Tiểu học, THCS và THPT Thăng Long công khai tài chính gồm:

- Thông báo công khai quyết toán thu chi tài chính năm 2024.
- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí năm 2025.
- Thông báo công khai các khoản thu học phí, thu dịch vụ và các khoản thu khác năm học 2024-2025

Năm học 2024-2025, Trường Tiểu học, THCS và THPT Thăng Long thu học phí khác theo quy định tại Nghị định số 81/2021-NĐ-CP ngày 27/8/2021, và thu các khoản thu khác theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố Hà Nội.

Mức thu học phí và các khoản thu khác năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	Học phí		
1	Tiểu học	Đồng/học sinh/tháng	Miễn phí
2	THCS	Đồng/học sinh/tháng	155.000đ
3	THPT	Đồng/học sinh/tháng	217.000đ
II	Các khoản thu khác		
1	Dịch vụ phục vụ bán trú		
1.1	Dịch vụ tiền ăn của học sinh		
1.1.1	Bữa sáng	Đồng/học sinh/ngày	Tiểu học: 14.000 THCS: 16.000 THPT: 16.000
1.1.2	Bữa trưa	Đồng/học sinh/ngày	TH: 30.000 THCS: 32.000 THPT: 32.000
1.2	Dịch vụ chăm sóc bán trú	Đồng/học sinh/tháng	180.000
1.3	Dịch vụ trang thiết bị	Đồng/học sinh/năm học	130.000

	<i>phục vụ bán trú</i>		
2	Dịch vụ nước uống học sinh	Đồng/học sinh/tháng	15.000
3	Dịch vụ giáo dục ngoài giờ (<i>chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ngoài giờ chính khoá theo quy định của pháp luật</i>)		
3.2	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khoá (<i>do các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trực tiếp thực hiện</i>)		
3.2.1	Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khoá, bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa (<i>do các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trực tiếp thực hiện</i>)	đồng/học sinh/giờ dạy	TH: 15.000 THCS: 11.000 THPT: 11.000
4	Các khoản thu hộ, chi hộ		
4.1	Bảo hiểm y tế	Đồng/hs/năm	884.520
4.2	Bảo hiểm thân thể	Đồng/hs/năm	120.000
4.3	Quỹ đội	Đồng/hs/năm	13.500
4.4	Quỹ Hội chữ thập đỏ	Đồng/hs/năm	12.000

Kết quả thu, chi hoạt động:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Ghi chú
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	10,970	3,733	
I	Nguồn kinh phí do Đại học Thủ đô Hà Nội cấp	4,000		KP chi lương từ T7/2024 - T12/2024
II	Thu hoạt động GD-ĐT và dịch vụ	6,970	3,733	
1	Thu học phí	2,286	1,746	
2	Thu hoạt động dịch vụ	4,579	1,970	
3	Thu khác	105	17	
III	Thu khoa học công nghệ			

B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	8,386	2,232	
I	Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	5,897	792	
1	Chi lương, phụ cấp theo lương	5,093	792	Năm 2023 ĐHTĐHN chi hỗ trợ lương và các khoản đóng góp theo lương
2	Chi các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	804	-	
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	2,444	1,440	
1	Chi dịch vụ công cộng, hành chính	174	181	
2	Chi vật tư, thiết bị, sửa chữa cơ sở vật chất	68	62	
3	Chi phí khác (thuê lao động, giáo viên hợp đồng, chuyên môn nghiệp vụ khác)	2,202	1,197	
III	Chi hỗ trợ người học và hỗ trợ học tập			
IV	Chi khác	45		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	2,584	1,501	
1	Nộp NSNN (thuế TNDN)	146	40	
2	Phân phối cho các quỹ	744	502	
3	Kinh phí cái cách tiền lương	496	959	
4	Kinh phí chuyển sang sử dụng năm sau	1,198		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trong năm học 2024 - 2025, Trường TH, THCS và THPT Thăng Long đã nghiêm túc triển khai và đạt được nhiều kết quả tích cực trong thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác theo chỉ đạo của ngành và Trường ĐHTĐ Hà Nội, cụ thể:

1. Công tác chuyển đổi số trong giáo dục

Nhà trường đã đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và dạy học

Năm học 2023-2024 triển khai Học bạ số đối với học sinh khối Tiểu học, năm học 2024-2025 triển khai Học bạ số đối với học sinh toàn trường.

2. Thực hiện tốt công tác truyền thông giáo dục

Duy trì và phát triển website nhà trường với các bài viết trong năm học, phản ánh kịp thời hoạt động dạy học, sinh hoạt chuyên môn và tuyên truyền chủ trương

chính sách của ngành.

Sử dụng các nền tảng như Zalo, Facebook để lan tỏa thông tin nhanh chóng tới cha mẹ học sinh và cộng đồng

3. Cải cách hành chính và công tác văn thư, lưu trữ

Thực hiện cải cách hành chính theo hướng đơn giản, thuận tiện, đặc biệt trong tiếp nhận - chuyển trường cho học sinh qua phần mềm quản lý.

Thực hiện nghiêm túc chế độ văn thư, lưu trữ và bảo mật thông tin theo quy định

4. Phổ biến, giáo dục pháp luật và phòng, chống tham nhũng

Tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật thông qua các buổi họp, hội nghị, qua sinh hoạt chuyên đề, hoạt động trải nghiệm, mạng xã hội và hệ thống tin nhắn.

Trong năm học 2024-2025, nhà trường không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo; thực hiện tốt công khai minh bạch trong quản lý tài chính, thi đua khen thưởng, tuyển sinh, đánh giá học sinh và các chế độ chính sách khác.

5. Tham gia thi đua, khen thưởng, hưởng ứng phong trào ngành

Nhà trường phát động và hưởng ứng tích cực các phong trào thi đua của ngành như: *“Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”*, *“Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”*...

Có 03 sáng kiến kinh nghiệm cấp trường, 01 sáng kiến gửi cấp thành phố đánh giá.

Tổ chức bình xét thi đua khách quan, minh bạch, công khai.

Tích cực ủng hộ các cuộc vận động do Đảng ủy, Công đoàn trường ĐHTĐ phát động, với tổng số tiền quyên góp lên tới gần 23 triệu đồng.

6. Thực hiện quy chế công khai trong giáo dục

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy chế công khai năm học 2024 - 2025 theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, đảm bảo minh bạch, dân chủ trong mọi hoạt động của nhà trường.

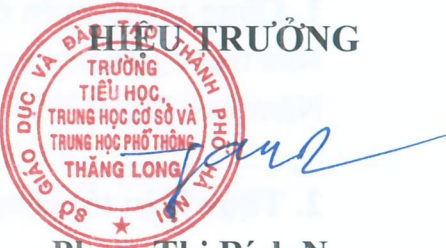
Trên đây là nội dung công khai (theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường TH, THCS và THPT Thăng Long báo cáo đến trường ĐH Thủ đô Hà Nội và thông báo đến các tập thể và cá nhân quan tâm. Mọi ý kiến đóng góp xin vui lòng gửi về địa chỉ Email: thanglongschool@daihocthdo.edu.vn

Nhà trường xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Trường ĐH Thủ đô Hà Nội;
- Hiệu trưởng; Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Bích Ngọc